TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **91**/2019/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 29 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị T, sinh năm 1981.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Quang T1 (tên gọi khác: Nguyễn Văn T1), sinh năm 1978.

Đều trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H1. Chức vụ: Phó giám đốc.

+ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện C1, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn Đ. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Viết L. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh.

+ Anh Trần Văn V (tên thường gọi: Trần Xuân V), sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn N, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1 có 03 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/4/1998; Nguyễn Thị Hải H1, sinh ngày 07/11/2003 và Nguyễn Sơn T2, sinh ngày 20/10/2016. Chị T và anh T1 thống nhất.

+ Cháu Nguyễn Văn H hiện nay đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Giao cháu Nguyễn Thị Hải H1 cho anh Nguyễn Quang T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Giao cháu Nguyễn Sơn T2 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Các đương sự thỏa thuận.

* Anh Nguyễn Quang T1 có trách nhiệm trả các khoản nợ sau.

+ Khoản nợ cho Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C1 vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền gốc là 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng khi đến hạn trả nợ.

+ Khoản nợ cho Ngân hàng C Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C1 vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền gốc là 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng khi đến hạn trả nợ.

+ Khoản nợ cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện C1, tỉnh Bắc Kạn với số tiền gốc là 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng khi đến hạn trả nợ.

* Chị Trần Thị T có trách nhiệm trả số tiền nợ mua trâu cho anh Trần Văn V với tổng số tiền là 36.500.000đ *(ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).* Trong đó tiền gốc là 32.000.000đ (*ba mươi hai triệu đồng)* và tiền lãi là 4.500.000đ *(bốn triệu năm trăm nghìn đồng).*

Phương thức trả: chia làm 04 đợt vào các ngày 10/6/2020, ngày 10/6/2021,

ngày 10/6/2022 và ngày 10/6/2023.

Kể từ ngày anh Trần Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị Trần Thị T còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

- **Về án phí**: Chị Trần Thị T phải chịu 75.000đ *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Quang T1 phải chịu 75.000đ *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị Trần Thị T phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 06148 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Trần Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000đ *(hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Cạn